

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0108469365

Đăng ký lần đầu: ngày 11 tháng 10 năm 2018

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ĐĂNG ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DANG ANH FOOD COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Bạch Liên, Xã Liên Phương, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0985 311 786

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ 2.500.000.000 đồng

Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: NGUYỄN THỊ LƯƠNG

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 20/08/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001185014092

Ngày cấp: 05/10/2016

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Bạch Liên, Xã Liên Phương, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Bạch Liên, Xã Liên Phương, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ LƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/08/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001185014092

Ngày cấp: 05/10/2016

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Bạch Liên, Xã Liên Phương, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Bạch Liên, Xã Liên Phương, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam



TUQ. CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND

Trần Đức Vinh

14/ TRƯỞNG PHÒNG



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Trần Danh Trung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
CERTIFICATE

OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN HÀ NỘI

CHỨNG NHẬN

Cơ sở/ Establishment: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ĐĂNG ANH

Mã số/ Approval number: \.....

Địa chỉ/ Address: Thôn Bạch Liên, xã Liên Phương, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

Điện thoại/ Tel: 0985 311 786 Fax:

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất kinh doanh sản phẩm:
*Has been found to be in compliance with food safety regulations
for following products:*

1. Sơ chế: thịt gia súc, thịt gia cầm;
2. Kinh doanh: rau, củ, thủy sản, đậu phụ, gạo, đậu đỗ các loại.
- 3:

Số cấp/ Number: 301 / 2025 / NNPTNT-HAN

Có hiệu lực đến ngày 04 tháng 10 năm 2028

Valid until (date/mont/year) 04/10/2028

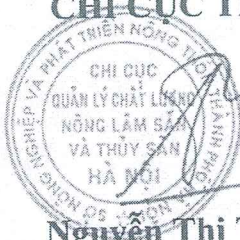
Và thay thế giấy chứng nhận số
and replaces The Certificate N^o SCT/BS

NGÀY: 20-01-2025

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2025, day/month/year

Người thực hiện chứng thực

CHI CỤC TRƯỞNG



TUQ. CHỦ TỊCH

ĐỒNG CHỨC VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND

Trần Đức Vinh

Nguyễn Thị Thu Hằng

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM04 LBH.09

Code/ Mã mẫu:		KN142110001/5			
Sample name/ Tên mẫu:		Tôm			
Information provided by applicant/ (Thông tin được khách hàng cung cấp)		Tôm			
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả	QCVN 8-3:2012/BYT ^(b) ; QCVN 8-2:2011/BYT ^(c)
Salmonella spp. ⁽¹⁾	ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020	Phát hiện/25g	eLOD50= 3 CFU/25g	ND	...(b)
E.coli ⁽¹⁾	ISO 16649-2:2001	CFU/g	-	<10	...(b)
Tổng số vi sinh vật hiếu khí (TPC) ⁽¹⁾	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	CFU/g	/	1.9x10 ⁴	...(b)
Thuỷ ngân (Hg) ⁽¹⁾	AOAC 971.21	mg/kg	0.0067	ND	0.5 ^(c)
Cadimi (Cd) ⁽¹⁾	AOAC 999.11	mg/kg	0.002	0.003<LOQ (0.006)	0.5 ^(c)
Chloramphenicol ⁽¹⁾	NTL-HH601 Ref.FDA/ORA/DFS No. 4290	µg/kg	0.020	ND	-
Conclusion/ Kết luận: Kết quả phân tích mẫu trên phù hợp yêu cầu quy định kim loại nặng theo QCVN 8-2:2011/BYT^(c); chỉ tiêu E.coli, Salmonella spp., Chloramphenicol có kết quả không phát hiện; chỉ tiêu Tổng số vi sinh vật hiếu khí (TPC) có kết quả là 1.9x10⁴ CFU/g; Chú thích: Phù hợp tuân thủ theo ILAC-G8:09/2019 mục 4.2.1					

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực.....500.....Quyển số.....01.....SCT/BS

NGÀY: 20 -01- 2025



Người thực hiện chứng thực

TUQ. CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND

Trần Đức Vinh



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NATEK
NATEK SCIENCE AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM NATEK / NATEK LABORATORY CENTRE



TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM04 LBH.09

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ĐĂNG ANH
 Address (Địa chỉ) : Thôn Bạch Liên, Xã Hồng Vân, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : KN142110001
 Information provided by applicant : Tôm
 (Thông tin được khách hàng cung cấp)
 Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong túi kín còn nguyên vẹn
 Seal No (Số niêm) : Không niêm phong
 Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu
 Sampling on (Ngày lấy mẫu) : -
 Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 10/09/2025
 Sample tested on (Ngày phân tích) : 10/09/2025
 Report date (Ngày trả kết quả) : 17/09/2025
 Sample retention time (Thời gian lưu mẫu) : 02/10/2025

Note / Ghi chú:

- ⁽¹⁾ Testing parameter is sent to subcontractor accredited by NATEKLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi NATEKLAB.
- ⁽²⁾ Parameter is accredited ISO17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO17025
- ⁽³⁾ Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- ⁽⁴⁾ Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- ⁽⁵⁾ Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
 LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NATEK Terms and Conditions. NATEK only resolves complaints about analytical results within 30 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NATEK. NATEK chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NATEK is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NATEK

Authorized Technical Representative
 Phụ trách kỹ thuật



Người thực hiện chứng thực

On behalf of NATEK
 Đại diện NATEK



HOÀNG VĂN HUYNH

TUQ. CHỦ TỊCH
 CÔNG CHỨC VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND

Trần Đức Vinh

NATEK JSC

- Ha Noi Office: Km 11, National Highway 21, Hoa Lac Commune, Ha Noi City
 Can Tho Office: Street 12, KDC Company 8, Cai Rang Ward, Can Tho City
 +84243 368 5555 natek@natekvn.com www.natekvn.com

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM04 LBH.09

Code/ Mã mẫu: KN142110001/7					
Sample name/ Tên mẫu: Quả Lê					
Information provided by applicant/ (Thông tin được khách hàng cung cấp)		Quả Lê			
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả	QCVN 8-3:2012/BYT ^(b) ; QCVN 8-2:2011/BYT ^(c) ; Thông tư 50/2016/TT-BYT ^(d)
E.coli ^(a)	ISO 16649-2:2001	CFU/g	-	<10	10 ³ ^(b)
Salmonella spp. ^(a)	ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020	Phát hiện/25g	eLOD50= 3 CFU/25g	ND	Không phát hiện ^(b)
Chi (Pb) ^(a)	AOAC 999.11	mg/kg	0.010	ND	0.1 ^(c)
Abamectin ^(a)	AOAC 2007.01 EN 15662:2018	mg/kg	0.005	ND	0.02 ^(d)
Conclusion/ Kết luận: Kết quả phân tích mẫu trên phù hợp yêu cầu quy định về vi sinh vật theo QCVN 8-3:2012/BYT^(b); phù hợp yêu cầu quy định kim loại nặng theo QCVN 8-2:2011/BYT^(c); phù hợp yêu cầu quy định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật theo Thông tư 50/2016/TT-BYT^(d) Chú thích: Phù hợp tuân thủ theo ILAC-G8:09/2019 mục 4.2.1					

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực **503**.....Quyển số **01**.....SCT/BS

NGÀY: 20 -01- 2025



Người thực hiện chứng thực

TUQ. CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND
Trần Đức Vinh



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NATEK
NATEK SCIENCE AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM NATEK / NATEK LABORATORY CENTRE



TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM04 LBH.09

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ĐĂNG ANH
Address (Địa chỉ) : Thôn Bạch Liên, Xã Hồng Vân, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : KN142110001
Information provided by applicant : Quả Lê
(Thông tin được khách hàng cung cấp)
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong túi kín còn nguyên vẹn
Seal No (Số niêm) : Không niêm phong
Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : Khách hàng không cung cấp
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 10/09/2025
Sample tested on (Ngày phân tích) : 10/09/2025
Report date (Ngày trả kết quả) : 17/09/2025
Sample retention time (Thời gian lưu mẫu) : 02/10/2025

Note / Ghi chú:

- ⁽¹⁾ Testing parameter is sent to subcontractor accredited by NATEKLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi NATEKLAB.
- ⁽²⁾ Parameter is accredited ISO17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO17025
- ⁽³⁾ Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- ⁽⁴⁾ Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- ⁽⁵⁾ Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NATEK Terms and Conditions. NATEK only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NATEK. NATEK chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NATEK is granted / Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NATEK

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

On behalf of NATEK
Đại diện NATEK



Người thực hiện chứng thực



HOÀNG VĂN HUYNH

TUQ. CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC VĂN PHÒNG HDND VÀ UBND
Trần Đức Vinh

NATEK JSC

- Hà Nội Office: Km 11, National Highway 21, Hoa Lạc Commune, Hà Nội City
- Can Tho Office: Street 12, KDC Company 8, Cai Rang Ward, Can Tho City
- +84243 368 5555
- natek@natekvn.com
- www.natekvn.com

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM04 LBH.09

Code/ Mã mẫu: KN142110001/6		Đầu phụ			
Sample name/ Tên mẫu:		Đầu phụ			
Information provided by applicant/ (Thông tin được khách hàng cung cấp)					
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả	QCVN 8-3:2012/BYT ^(b) ; QCVN 8-2:2011/BYT ^(c) ; QCVN 8-1:2011/BYT ^(d)
Tổng số vi sinh vật hiếu khí (TPC) ^(a)	ISO 4833-1:2013/ Amd.1:2022	CFU/g	/	1.5x10 ²	...(b)
Salmonella spp. ^(a)	ISO 6579- 1:2017/Amd.1:2020	Phát hiện/25g	eLOD50= 3 CFU/25g	ND	...(b)
E.coli ^(a)	ISO 16649-2:2001	CFU/g	-	<10	...(b)
Chì (Pb) ^(a)	AOAC 999.11	mg/kg	0.010	0.018<LOQ (0.050)	...(c)
Cadimi (Cd) ^(a)	AOAC 999.11	mg/kg	0.002	0.003<LOQ (0.006)	...(c)
Aflatoxin B1 ^(a)	NTL-HH619 Ref.TFAC-2008- 393.R1	µg/kg	0.500	ND	2 ^(d)
Ochratoxin A ^(a)	NTL-HH619 Ref.TFAC-2008- 393.R1	µg/kg	0.500	ND	3 ^(d)
Aflatoxin tổng số ^(a)	NTL-HH619 Ref.TFAC-2008- 393.R1	µg/kg	0.500	ND	4 ^(d)
Conclusion/ Kết luận: Kết quả phân tích mẫu trên phù hợp với yêu cầu quy định độc tố vi nấm theo QCVN 8-1:2011/BYT^(d); chỉ tiêu Salmonella spp., E.coli có kết quả không phát hiện; chỉ tiêu Tổng số vi sinh vật hiếu khí (TPC), Chì (Pb), Cadimi (Cd) có kết quả lần lượt là 1.5x10² CFU/g, 0.018<LOQ (0.050) mg/kg, 0.003<LOQ (0.006) mg/kg Chỉ tiêu phù hợp tuân thủ theo ILAC-G8:09/2019 mục 4.2.1					

NGÀY: 20-01-2025



Người thực hiện chứng thực

TUQ. CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND
Trần Đức Vinh



TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM04 LBH.09

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ĐĂNG ANH
Address (Địa chỉ) : Thôn Bạch Liên, Xã Hồng Vân, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : KN142110001
Information provided by applicant : Đậu phụ
(Thông tin được khách hàng cung cấp)
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong túi kín còn nguyên vẹn
Seal No (Số niêm) : Không niêm phong
Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : -
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 10/09/2025
Sample tested on (Ngày phân tích) : 10/09/2025
Report date (Ngày trả kết quả) : 17/09/2025
Sample retention time (Thời gian lưu mẫu) : 02/10/2025

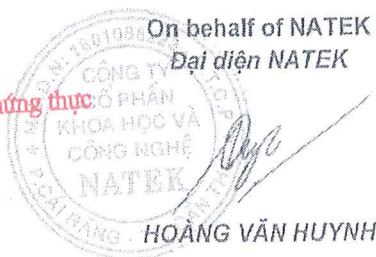
Note / Ghi chú:

- (1) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by NATEKLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi NATEKLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NATEK Terms and Conditions. NATEK only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NATEK. NATEK chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
NGÀY: 20-01-2025
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NATEK is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NATEK

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật



Người thực hiện chứng thực:



TUQ. CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND
Bà Trần Đức Vinh

NATEK JSC

Hà Nội Office: Km 11, National Highway 21, Hoa Lạc Commune, Hà Nội City
Cần Thơ Office: Street 12, KDC Company 8, Cai Rang Ward, Cần Thơ City
+84243 368 5555 natek@natekvn.com www.natekvn.com

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM04 LBH.09

Code/ Mã mẫu: KN142110001/3					
Sample name/ Tên mẫu: Rau Cải ngọt					
Information provided by applicant/ (Thông tin được khách hàng cung cấp)		Rau Cải ngọt			
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả	QCVN 8-3:2012/BYT ^(b) ; QCVN 8-2:2011/BYT ^(c) ; Thông tư 50/2016/TT-BYT ^(d)
E.coli ⁽¹⁾	ISO 16649-2:2001	CFU/g	/	<10	...(b)
Salmonella spp. ⁽¹⁾	ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020	Phát hiện/25g	eLOD50= 3 CFU/25g	ND	...(b)
Cadimi (Cd) ⁽¹⁾	AOAC 999.11	mg/kg	0.002	ND	0.05 ^(c)
Chì (Pb) ⁽¹⁾	AOAC 999.11	mg/kg	0.010	ND	0.3 ^(c)
Cypermethrin ⁽¹⁾	AOAC 2007.01 EN 15662:2018	mg/kg	0.010	ND	1
Conclusion/ Kết luận: Kết quả phân tích mẫu trên phù hợp yêu cầu quy định kim loại nặng theo QCVN 8-2:2011/BYT^(c); phù hợp yêu cầu quy định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật theo Thông tư 50/2016/TT-BYT^(d); chỉ tiêu E.coli, Salmonella spp. có kết quả không phát hiện Chú thích: Phù hợp tuân thủ theo ILAC-G8:09/2019 mục 4.2.1					

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực.....507.....Quyển số.....01.....SCT/BS

NGÀY: 20-01-2025



Người thực hiện chứng thực

TUQ. CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND

Trần Đức Vinh



TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM04 LBH.09

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ĐĂNG ANH
Address (Địa chỉ) : Thôn Bạch Liên, Xã Hồng Vân, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : KN142110001
Information provided by applicant : Rau Cải ngọt
(Thông tin được khách hàng cung cấp)
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong túi kín còn nguyên vẹn
Seal No (Số niêm) : Không niêm phong
Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : -
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 10/09/2025
Sample tested on (Ngày phân tích) : 10/09/2025
Report date (Ngày trả kết quả) : 17/09/2025
Sample retention time (Thời gian lưu mẫu) : 02/10/2025

Note / Ghi chú:

- (1) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by NATEKLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi NATEKLAB.
- (2) Parameter is accredited ISO17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO17025
- (3) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (4) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (5) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NATEK Terms and Conditions. NATEK only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NATEK. NATEK chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NATEK is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NATEK

Authorized Technical Representative

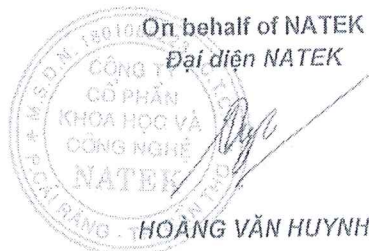
Phụ trách kỹ thuật

Người thực hiện chứng thực

ĐỖ THỊ NGỌC ÁNH

TUQ. CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND

Trần Đức Vinh



NATEK JSC

- Hà Nội Office: Km 11, National Highway 21, Hoa Lac Commune, Ha Noi City
- Can Tho Office: Street 12, KDC Company 8, Cai Rang Ward, Can Tho City
- +84243 368 5555
- natek@natekvn.com
- www.natekvn.com

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM04 LBH.09

Code/ Mã mẫu:		KN142110001/1			
Sample name/ Tên mẫu:		Thịt Bò			
Information provided by applicant/ (Thông tin được khách hàng cung cấp)		Thịt Bò			
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả	QCVN 8-3:2012/BYT ^(b) ; QCVN 8-2:2011/BYT ^(c) ; Thông tư 01/2016/TT-BNNPTNT ^(d)
Salmonella spp. ^(a)	ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020	Phát hiện/25g	eLOD50= 3 CFU/25g	ND	Không phát hiện ^(b)
E.coli ^(a)	ISO 16649-2:2001	CFU/g	/	<10	5x10 ³ ^(b)
Tổng số vi sinh vật hiếu khí (TPC) ^(a)	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	CFU/g	/	8.5x10 ³	5x10 ⁶ ^(b)
Cadimi (Cd) ^(a)	AOAC 999.11	mg/kg	0.002	ND	0.05 ^(c)
Chì (Pb) ^(a)	AOAC 999.11	mg/kg	0.010	ND	0.1 ^(c)
Clenbuterol ^(a)	NTL-HH609 Ref.AEMS-2015, page 58-61	µg/kg	0.100	ND	0.2 ^(d)
Conclusion/ Kết luận: Kết quả phân tích mẫu trên phù hợp yêu cầu quy định về vi sinh vật theo QCVN 8-3:2012/BYT^(b); phù hợp yêu cầu quy định kim loại nặng theo QCVN 8-2:2011/BYT^(c); phù hợp quy định chất cấm thuộc nhóm beta-agonist theo Thông tư 01/2016/TT-BNNPTNT^(d) Chú thích: Phù hợp tuân thủ theo ILAC-G8:09/2019 mục 4.2.1					

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực...509.....Quyển số...01.....SCT/BS

NGÀY: 20 -01- 2025



Người thực hiện chứng thực

TUQ. CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND

Trần Đức Vinh



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NATEK
NATEK SCIENCE AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM NATEK / NATEK LABORATORY CENTRE



TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM04 LBH.09

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ĐĂNG ANH
Address (Địa chỉ) : Thôn Bạch Liên, Xã Hồng Vân, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : KN142110001
Information provided by applicant : Thịt Bò
(Thông tin được khách hàng cung cấp)
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong túi kín còn nguyên vẹn
Seal No (Số niêm) : Không niêm phong
Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : -
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 10/09/2025
Sample tested on (Ngày phân tích) : 10/09/2025
Report date (Ngày trả kết quả) : 17/09/2025
Sample retention time (Thời gian lưu mẫu) : 02/10/2025

Note / Ghi chú:

- (1) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by NATEKLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi NATEKLAB.
- (2) Parameter is accredited ISO17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO17025
- (3) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (4) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (5) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NATEK Terms and Conditions. NATEK only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NATEK. NATEK chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả

The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NATEK is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NATEK

Số chứng thực..... 510..... Quyền số..... SCT/BS
Authorized Technical Representative

NGÀY: 20-01-2025 Phụ trách kỹ thuật

Người thực hiện chứng thực

ĐỖ THỊ NGỌC ANH

TU. CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC VĂN PHÒNG HDND VÀ UBND

Trần Đức Vinh

On behalf of NATEK
Đại diện NATEK

HOÀNG VĂN HUYNH



NATEK JSC

- Hà Nội Office: Km 11, National Highway 21, Hoa Lạc Commune, Hà Nội City
- Cần Thơ Office: Street 12, KDC Company 8, Cái Rang Ward, Cần Thơ City
- +84243 368 5555 natek@natekvn.com www.natekvn.com

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM04 LBH.09

Code/ Mã mẫu:		KN142110001/2			
Sample name/ Tên mẫu:		Thịt Gà			
Information provided by applicant/ (Thông tin được khách hàng cung cấp)		Thịt Gà			
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả	QCVN 8-3:2012/BYT ^(b) ; QCVN 8-2:2011/BYT ^(c) ; Thông tư 01/2016/TT-BNNPTNT ^(d)
Salmonella spp. ^(a)	ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020	Phát hiện/25g	eLOD50= 3 CFU/25g	ND	Không phát hiện ^(b)
E.coli ^(a)	ISO 16649-2:2001	CFU/g	/	<10	5x10 ³ ^(b)
Tổng số vi sinh vật hiếu khí (TPC) ^(a)	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	CFU/g	/	2.6x10 ⁴	5x10 ⁶ ^(b)
Cadimi (Cd) ^(a)	AOAC 999.11	mg/kg	0.002	ND	0.05 ^(c)
Chì (Pb) ^(a)	AOAC 999.11	mg/kg	0.010	ND	0.1 ^(c)
Clenbuterol ^(a)	NTL-HH609 Ref.AEMS-2015, page 58-61	µg/kg	0.100	ND	0.2 ^(d)
Conclusion/ Kết luận: Kết quả phân tích mẫu trên phù hợp yêu cầu quy định về vi sinh vật theo QCVN 8-3:2012/BYT^(b); phù hợp yêu cầu quy định kim loại nặng theo QCVN 8-2:2011/BYT^(c); phù hợp quy định chất cấm thuộc nhóm beta-agonist theo Thông tư 01/2016/TT-BNNPTNT^(d) Chú thích: Phù hợp tuân thủ theo ILAC-G8:09/2019 mục 4.2.1					

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực.....511.....Quyển số.....01.....SCT/BS

NGÀY: 20 -01- 2025



Người thực hiện chứng thực

TUQ. CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND
Trần Đức Vinh



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NATEK
NATEK SCIENCE AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM NATEK / NATEK LABORATORY CENTRE



TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM04 LBH.09

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ĐĂNG ANH
Address (Địa chỉ) : Thôn Bạch Liên, Xã Hồng Vân, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : KN142110001
Information provided by applicant : Thịt Gà
(Thông tin được khách hàng cung cấp)
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong túi kín còn nguyên vẹn
Seal No (Số niêm) : Không niêm phong
Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : -
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 10/09/2025
Sample tested on (Ngày phân tích) : 10/09/2025
Report date (Ngày trả kết quả) : 17/09/2025
Sample retention time (Thời gian lưu mẫu) : 02/10/2025

Note / Ghi chú:

- (1) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by NATEKLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi NATEKLAB.
- (2) Parameter is accredited ISO17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO17025
- (3) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (4) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (5) (6) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NATEK Terms and Conditions. NATEK only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NATEK. NATEK chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NATEK is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NATEK

CHỨNG THỰC BẢN SÀO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Chứng thực..... 512 Quyển số..... 61.30.188

NGÀY: 20-01-2025
Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

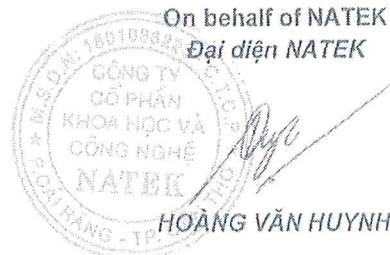
Người thực hiện chứng thực



ĐỖ THỊ NGỌC ANH

TUQ. CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND

Trần Đức Vinh



On behalf of NATEK
Đại diện NATEK

HOÀNG VĂN HUYNH

NATEK JSC

Ha Noi Office: Km 11, National Highway 21, Hoa Lac Commune, Ha Noi City
Can Tho Office: Street 12, KDC Company 8, Cai Rang Ward, Can Tho City
+84243 368 5555 natek@natekvn.com www.natekvn.com

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM04 LBH.09

Code/ Mã mẫu: KN142110001/4					
Sample name/ Tên mẫu: Cá rô phi					
Information provided by applicant/ (Thông tin được khách hàng cung cấp)		Cá rô phi			
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả	QCVN 8-3:2012/BYT ^(b) ; QCVN 8-2:2011/BYT ^(c)
Salmonella spp. ^(a)	ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020	Phát hiện/25g	eLOD50= 3 CFU/25g	ND	...(b)
E.coli ^(a)	ISO 16649-2:2001	CFU/g	/	<10	...(b)
Tổng số vi sinh vật hiếu khí (TPC) ^(a)	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	CFU/g	/	3.5x10 ⁴	...(b)
Thủy ngân (Hg) ^(a)	AOAC 971.21	mg/kg	0.0067	ND	0.5 ^(c)
Cadimi (Cd) ^(a)	AOAC 999.11	mg/kg	0.002	ND	0.05 ^(c)
Chloramphenicol ^(a)	NTL-HH601 Ref.FDA/ORA/DFS No. 4290	µg/kg	0.020	ND	-
Conclusion/ Kết luận: Kết quả phân tích mẫu trên phù hợp yêu cầu quy định kim loại nặng theo QCVN 8-2:2011/BYT^(c); chỉ tiêu E.coli, Salmonella spp., Chloramphenicol có kết quả không phát hiện; chỉ tiêu Tổng số vi sinh vật hiếu khí (TPC) có kết quả là 3.5x10⁴ CFU/g <i>Chú thích: Phù hợp tuân thủ theo ILAC-G8:09/2019 mục 4.2.1</i>					

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực...**513**.....Quyển số...**01**.....SCT/BS

NGÀY: 20-01-2025

Người thực hiện chứng thực



TUQ. CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND

Trần Đức Vinh



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NATEK
NATEK SCIENCE AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM NATEK / NATEK LABORATORY CENTRE



TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM04 LBH.09

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ĐĂNG ANH
 Address (Địa chỉ) : Thôn Bạch Liên, Xã Hồng Vân, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : KN142110001
 Information provided by applicant : Cá Rô Phi
 (Thông tin được khách hàng cung cấp)
 Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong túi kín còn nguyên vẹn
 Seal No (Số niêm) : Không niêm phong
 Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu
 Sampling on (Ngày lấy mẫu) : -
 Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 10/09/2025
 Sample tested on (Ngày phân tích) : 10/09/2025
 Report date (Ngày trả kết quả) : 17/09/2025
 Sample retention time (Thời gian lưu mẫu) : 02/10/2025

Note / Ghi chú:

- (1) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by NATEKLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi NATEKLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
 LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NATEK Terms and Conditions. NATEK only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NATEK. NATEK chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
- The above result shall not be reproduced partly or fully, unless written approval of NATEK is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NATEK

CHỨNG THỰC BẢO SÁT HUNG VÀ BẢO CHỨNG
 Số chứng thực.....514.....Quyển số.....01.....SCT/BS

Authorized Technical Representative

NGÀY: 20-09-2025 Phụ trách kỹ thuật



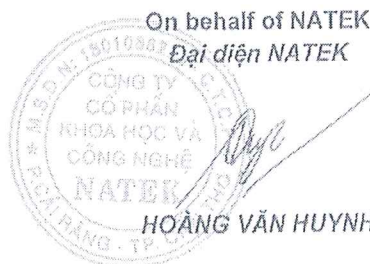
Người thực hiện chứng thực

ĐO THỊ NGỌC ANH

TU. CHỦ TỊCH

CÔNG CHỨC VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND

Trần Đức Vinh



HOÀNG VĂN HUYNH

NATEK JSC

- Hà Nội Office: Km 11, National Highway 21, Hoa Lac Commune, Hà Nội City
- Can Tho Office: Street 12, KDC Company 8, Cai Rang Ward, Can Tho City
- +84243 368 5555
- natek@natekvn.com
- www.natekvn.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 34.10.28.964

1. Tên mẫu: Nước sản xuất
Name of sample
2. Tên/địa chỉ khách hàng: Công ty TNHH thực phẩm Đăng Anh
Name/Address of customer Thôn Bạch Liên, xã Liên Phương, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
3. Mô tả mẫu: Trong 01 chai x 1,5L (không lưu mẫu)
Sample description
4. Ngày nhận mẫu: 01/04/2025
Date of receiving sample
5. Người lấy/gửi mẫu: Khách hàng tự gửi mẫu
Sample taking By customer
6. Ngày thực hiện thử nghiệm: 01/04 - 09/04/2025
The dates of testing activities
7. Kết quả thử nghiệm:
Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit QCVN 01:2009/BYT
1	Coliforms *	TCVN 6187-2:1996 **	MPN/100mL	0	0
2	Escherichia coli *	TCVN 6187-2:1996 **	MPN/100mL	0	0

8. Nhận xét:
Remarks

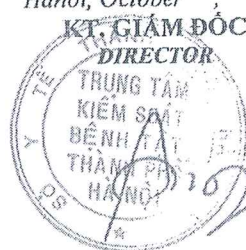
Mẫu nước đạt tiêu chuẩn vệ sinh nước ăn uống về phương diện vi sinh vật (theo QCVN 01:2009/BYT)
This sample complies with the standard on drinking waters in term of microbiology (according to QCVN 01:2009/BYT)

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2025
Hanoi, October

NG THỰC HÀNH SƠ ĐỒ VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 515 LABORATORY SCT/BS

NGÀY: 20-01-2025

KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING



Người thực hiện chứng thực

ThS. Nguyễn Thành Đông

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Kiều Anh

TUQ. CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND

- 1.(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2.(**) Phương pháp sửa đổi (kết quả số MPN theo ISO 7218:2007/Amd 1:2013 (E))
Modified method (determination of MPN values using MPN tables given in ISO 7218:2007/Amd 1:2013 (E))
3.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
4.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
5.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
6.Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả/
Claims will not be accepted if there is no sample in storage, or more than 5 days after issuing the test result(s).
7.Phiên kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm đo chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 48.10.28.964

1. Tên mẫu: Thịt lợn
Name of sample
2. Tên/địa chỉ khách hàng: Công ty TNHH thực phẩm Đăng Anh
Name/Address of customer Thôn Bạch Liên, xã Liên Phương, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
3. Mô tả mẫu: Trong 01 túi x 300g (không lưu mẫu)
Sample description:
4. Ngày nhận mẫu: 10/04/2025
Date of receiving sample
5. Người lấy/gửi mẫu: Khách hàng tự gửi
The personnel performing/sending sample(s) By customer
6. Ngày thực hiện kiểm nghiệm: 10/04 - 12/04/2025
The dates of testing activities
7. Kết quả thử nghiệm:
Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit QCVN 8-3:2012/BYT
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí * Total aerobic microorganisms	TCVN 4884-1:2015	CFU/g	$7,8 \times 10^4$	5×10^5
2	Escherichia coli *	TCVN 7924-2:2008	CFU/g	<10	5×10^2
3	Salmonella spp. *	TCVN 10780-1:2017	Phát hiện Detection (/25g)	KPH	KPH

Nhận xét:

Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2025

Hanoi, October

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY
CHỨNG THỰC BẢN SÁNG LĨNH VỚI BẢN CHẤM
Số chứng thực: 516... Quyền số: 01... SC/BS

KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

NGÀY: 29-01-2025

ThS. Nguyễn Thành Đông

Người thực hiện: Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



TUQ. CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Kiều Anh

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2. KPH: Không phát hiện/ Not detected
3. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội.
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
5. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
Claims will not be accepted if there is no sample in storage, or more than 5 days after issuing the test result(s).
7. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VILAS 595

Số/No.: 48.10.28.964

1. Tên mẫu/Name of sample
2. Tên/địa chỉ khách hàng
Name/Address of customer
3. Mô tả mẫu/Sample description
4. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving sample
5. Người lấy/gửi mẫu/ The personnel
performing/sending sample(s)
6. Ngày thực hiện thử nghiệm/The dates
of testing activities
7. Kết quả thử nghiệm/Test results

Nước sản xuất
Công ty TNHH thực phẩm Đăng Anh
Thôn Bạch Liên, xã Liên Phương, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
Trong 01 chai x 1,5L (không lưu mẫu)
01/04/2025
Khách hàng tự gửi mẫu/By customer
01/04 - 09/04/2025

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit QCVN 01:2009
1	Màu sắc /Color	Cảm quan /Sensory		Không màu	Không màu
2	Mùi vị /Odor	Cảm quan /Sensory		Không mùi	Không mùi vị
3	Độ đục /Turbidity	Orbeco- TB300IR Turbidimeter	(NTU)	<0,5	≤ 2
4	pH (*)	TCVN 6492:2011		7,2	6,5 – 8,5
5	Nitrit / Nitrite (*)	TCVN 6178: 1996	mg/L	<0,1	≤ 3
6	Nitrat /Nitrate (*)	TCVN 6180:1996	mg/L	<1	≤ 50
7	Amoni /Amonium (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,1	≤ 3
8	Sắt tổng số / Iron (*)	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,05	≤ 0,3
9	Chỉ số Pecmanganat /Pecmanganate Index	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	≤ 2
10	Clorua /Chloride (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	5,0	≤ 250
11	Độ cứng / Total Calcium and magnesium (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	24	≤ 300
12	Mangan tổng số/ Manganese (*)	TCVN 6002:1995	mg/L	<0,05	≤ 0,3
13	Sunphat /Sunfate (*)	SMEWW4500-SO ₄ ²⁻ E	mg/L	<10	≤ 250

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY



CN. Trần Văn An

TUQ. CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC VĂN PHÒNG HDND VÀ UBND
Trần Đức Vinh

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2025 / Hanoi, October

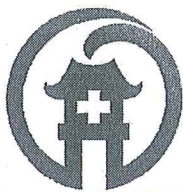
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Kiều Anh

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả/
Claims will not be accepted if there is no sample in storage, or more than 5 days after issuing the test result(s).
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.



VILAS 595

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 48.10.24.964

1. Tên mẫu/Name of sample : Thịt lợn
2. Tên/địa chỉ khách hàng : Công ty TNHH thực phẩm Đăng Anh
Name/Address of customer : Thôn Bạch Liên, xã Liên Phương, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.
3. Mô tả mẫu/Sample description : Thịt lợn tươi, đóng túi.
4. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving sample : 10/04/2025
5. Người lấy/gửi mẫu/ The personnel : Khách hàng tự gửi mẫu/By customer
performing/sending sample(s)
6. Ngày thực hiện thử nghiệm/The dates of : 10/04 - 13/04/2025
testing activities
7. Kết quả thử nghiệm/Test results :

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit
1	Cảm quan Sensory properties	TCVN 5604:1991	/	Màu sắc tự nhiên, không có mùi lạ	TCVN 7046:2009
2	Protein*	TCVN 8134:2009	%	17,8	TCCS/GMP
3	Lipit/Lipid	TCVN 8136:2009	%	19,6	TCCS/GMP
4	Dư lượng thuốc kháng sinh/Residue of antibiotics: Tetracycline	TCVN 8748:2011	µg/kg	Không phát hiện (< 10,0)	24/2013/TT-BYT ≤ 200,0
5	Cadimi/Cadmium (Cd)	TCVN 7929:2008	mg/kg	Không phát hiện (< 0,01)	QCVN 8-2:2011/BYT ≤ 0,05
6	Chì/Lead (Pb)	TCVN 7929:2008	mg/kg	Không phát hiện (< 0,01)	QCVN 8-2:2011/BYT ≤ 0,1

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2025/Hanoi, October ,

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 518.....Quyển số: 01.....SCT/BS

ThS. Nguyễn Thành Trung

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng

Người thực hiện chứng thực



TUQ. CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Kiều Anh

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả/
Claims will not be accepted if there is no sample in storage, or more than 5 days after issuing the test result(s).
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.



VILAS 595

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 34.10.28.964

1. Tên mẫu: Nước sản xuất
Name of sample
2. Tên/địa chỉ khách hàng: Công ty TNHH thực phẩm Đăng Anh
Name/Address of customer Thôn Bạch Liên, xã Liên Phương, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
3. Mô tả mẫu: Trong 01 chai x 1,5L (không lưu mẫu)
Sample description
4. Ngày nhận mẫu: 01/04/2025
Date of receiving sample
5. Người lấy/gửi mẫu: Khách hàng tự gửi mẫu
Sample taking By customer
6. Ngày thực hiện thử nghiệm: 01/04 - 09/04/2025
The dates of testing activities
7. Kết quả thử nghiệm:
Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit QCVN 01:2009/BYT
1	Coliforms *	TCVN 6187-2:1996 **	MPN/100mL	0	0
2	Escherichia coli *	TCVN 6187-2:1996 **	MPN/100mL	0	0

8. Nhận xét:
Remarks

Mẫu nước đạt tiêu chuẩn vệ sinh nước ăn uống về phương diện vi sinh vật (theo QCVN 01:2009/BYT)
This sample complies with the standard on drinking waters in term of microbiology (according to QCVN 01:2009/BYT)

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2025
Hanoi, October

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM DÒ CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING



ThS. Nguyễn Thành Đông

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Kiều Anh

- 1.(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2.(**) Phương pháp sửa đổi (xác định số MPN theo ISO 7218:2007/Amd 1:2013 (E))
Modified method (determination of MPN values using MPN tables given in ISO 7218:2007/Amd 1:2013 (E))
3.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
4.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
5.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
6.Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả/
Claims will not be accepted if there is no sample in storage, or more than 5 days after issuing the test result(s).
7.Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm dò chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ĐĂNG ANH
ĐỊA CHỈ: THÔN BẠCH LIÊN, LIÊN PHƯƠNG, THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI

QUY PHẠM SẢN XUẤT

Tên sản phẩm: Sơ chế thịt gia súc, gia cầm

NGÀY PHÊ DUYỆT

20/8/2022

NGƯỜI PHÊ DUYỆT



NGUYỄN THỊ LƯƠNG

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ĐĂNG ANH

QUY PHẠM SẢN XUẤT – GMP **Sơ chế thịt gia súc, gia cầm**

Mã số tài liệu: CL – GMP
Ngày ban hành: 20/8/2022

1- MỤC ĐÍCH

Quy trình này đưa ra các công đoạn, các hướng dẫn nhằm đảm bảo an toàn vệ sinh quá trình sơ chế thịt gia súc, gia cầm tại Công ty TNHH thực phẩm Đăng Anh nhằm đảm bảo quyền lợi của người tiêu dùng và tiết kiệm chi phí sản xuất cho Công ty. Đồng thời quy trình cũng phân công công việc cho các bộ phận trong phân xưởng sản xuất.

2- PHẠM VI ÁP DỤNG

- Trách nhiệm áp dụng: Bộ phận sản xuất, quản lý chất lượng của Công ty.
- Đối tượng áp dụng: sơ chế thịt gia súc, gia cầm đang được sản xuất tại Công ty.

3- TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Luật an toàn thực phẩm
- Hướng dẫn đánh giá - kiểm soát rủi ro an toàn thực phẩm & xác định các điểm kiểm soát tới hạn.
- HACCP CODEX: Quy phạm thực hành những nguyên tắc chung về vệ sinh thực phẩm.

4- ĐỊNH NGHĨA

BTP: Bán thành phẩm

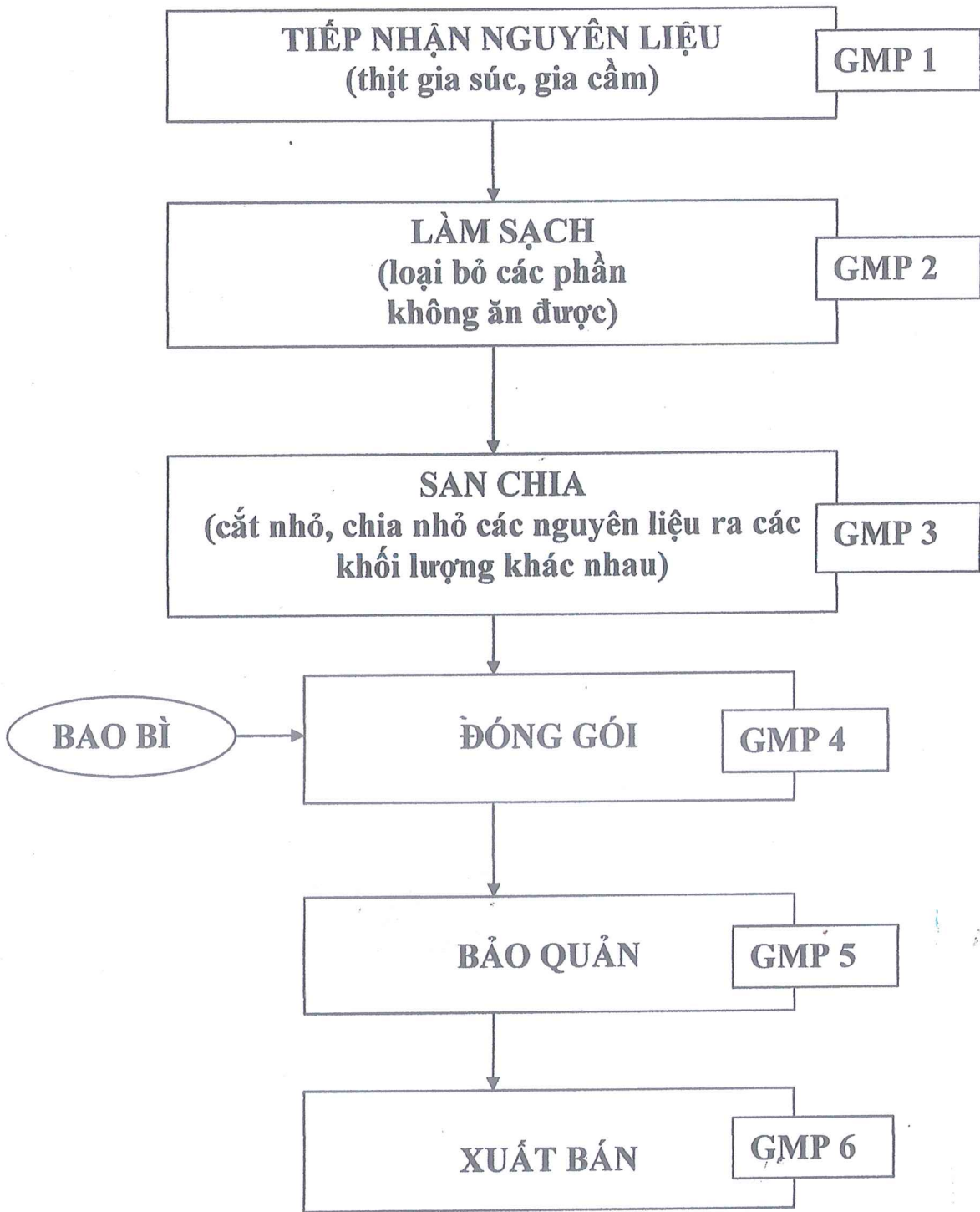
CN: Công nhân

GS: Giám sát

NL: Nguyên liệu

QC: Người quản lý chất lượng

QUY TRÌNH SƠ CHẾ



Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2022

Người phê duyệt



GMP 1: TIẾP NHẬN NGUYÊN LIỆU

1. QUY TRÌNH

Mỗi lô thịt gia súc, gia cầm khi được chuyển đến khu vực tiếp nhận nguyên liệu phải được kiểm tra, xem xét điều kiện vận chuyển, bảo quản, chủng loại, số lượng, bao bì, hạn sử dụng, giấy tờ của nguyên liệu có hợp lệ không. Khi các điều kiện trên đã hợp lệ thì kiểm tra chất lượng cảm quan về màu sắc, mùi vị, độ tươi của nguyên liệu và lấy mẫu phân tích các chỉ tiêu vi sinh và hóa học (khi cần thiết). Những lô hàng không đạt sẽ bị trả lại, những lô hàng đạt chất lượng được nhập mã sau đó được đem đi bảo quản.

2. GIẢI THÍCH

Quy phạm này quy định các yêu cầu cho việc tiếp nhận nguyên liệu của công ty nhằm đảm bảo chất lượng nguyên liệu theo yêu cầu sản xuất.

3. CÁC THỦ TỤC CẦN TUÂN THỦ

- Nơi tiếp nhận luôn phải được giữ sạch sẽ.
- Những người làm việc ở khu tiếp nhận nguyên liệu phải làm vệ sinh sạch sẽ và đầy đủ bảo hộ lao động trước khi tiếp xúc với nguyên liệu.
- Kiểm tra điều kiện vệ sinh dụng cụ chứa đựng và phương tiện vận chuyển, bảo quản, chủng loại, số lượng, bao bì, hạn sử dụng, giấy tờ của nguyên liệu:
 - + Nhiệt độ bảo quản sản phẩm lúc giao hàng: (nhiệt độ bảo quản lúc giao hàng đối với thực phẩm bảo quản mát dưới 10°C , thực phẩm đông lạnh bảo quản dưới 18°C).
 - + Bao bì nguyên liệu phải còn nguyên vẹn, không rách, thủng.
 - + Nguyên liệu phải còn hạn sử dụng.
- Đánh giá chất lượng cảm quan nguyên liệu (màu sắc, mùi vị, độ tươi):
 - + Không có màu sắc bất thường.
 - + Không có mùi vị bất thường.
 - + Đối với nguyên liệu sống phải tươi, không có dấu hiệu hư hỏng.
- Lấy mẫu kiểm tra các chỉ tiêu về vi sinh và hóa học mỗi lô thịt nhập về trước khi đưa vào chế biến (nếu cần thiết).
- Những lô nguyên liệu không đạt yêu cầu không tiếp nhận.
- Những lô nguyên liệu đạt yêu cầu thì đưa vào sơ chế hoặc bảo quản chờ sơ chế.

4. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

- Người phụ trách sản xuất chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và duy trì quy phạm này.
- Người phụ trách công đoạn tiếp nhận nguyên liệu chịu trách nhiệm giám sát và ghi chép kết quả vào biểu mẫu tiếp nhận: BM/GMP1.
- Công nhân công đoạn tiếp nhận phải tuân thủ quy phạm này.

5. HỒ SƠ LƯU TRỮ

Tất cả hồ sơ ghi chép có liên quan đến qui phạm này đã được thẩm tra phải được lưu trữ trong bộ hồ sơ GMP của Công ty ít nhất 02 năm.

GMP 2: LÀM SẠCH

1. QUY TRÌNH:

- Các sản phẩm thịt gia súc, gia cầm sẽ được loại bỏ lông măng và một số phần không ăn được (phần quá mỡ, phần viền thịt bị thâm do cấp đông...)

2. GIẢI THÍCH:

- Làm sạch sản phẩm đảm bảo chất lượng tốt nhất trước khi vận chuyển đến người sử dụng.

3. CÁC THỦ TỤC CẦN TUÂN THỦ:

a. Các thủ tục cần tuân thủ:

- Chỉ sử dụng những dụng cụ đã làm vệ sinh sạch sẽ theo phương pháp làm vệ sinh chuẩn của Công ty.

- Dụng cụ sử dụng ở công đoạn này phải là dụng cụ chuyên dụng.

- Công nhân phải vệ sinh sạch sẽ và đầy đủ bảo hộ lao động trước khi tiếp xúc với nguyên liệu.

b. Thao tác làm sạch:

- Đặt thịt trên bàn sơ chế riêng biệt. Sau đó loại bỏ những phần không ăn được (loại bớt mỡ trên thịt, viền thịt bị thâm do cấp đông sâu). Khu vực làm sạch các nguyên liệu khác nhau phải được tách biệt nhau để tránh nhiễm chéo cho sản phẩm)

4. GIÁM SÁT VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM:

- Phụ trách sản xuất chịu trách nhiệm phân công, kiểm soát việc thực hiện qui phạm này.

- Công nhân ở công đoạn làm sạch chịu trách nhiệm thực hiện nghiêm túc qui phạm này.

- QC phụ trách công đoạn xử lý chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện qui phạm này: kiểm tra thời gian ngâm rửa, tần suất thay nước, thao tác xử lý và các thông số kỹ thuật khác có liên quan. Kết quả giám sát được ghi vào biểu mẫu *Báo cáo theo dõi xử lý nguyên liệu (BM/GMP2)*

5. HÀNH ĐỘNG SỬA CHỮA:

QC giám sát công đoạn này kiểm tra thao tác xử lý của công nhân, nếu không đạt yêu cầu phải chấn chỉnh ngay đồng thời báo cho Lãnh đạo Công ty để có biện pháp xử lý những công nhân vi phạm.

6. THẨM TRA:

Hồ sơ ghi chép việc thực hiện qui phạm này phải được Quản lý công ty thẩm tra.

7. HỒ SƠ LƯU TRỮ:

Tất cả hồ sơ ghi chép có liên quan đến qui phạm này đã được thẩm tra phải được lưu trữ trong bộ hồ sơ GMP của Công ty ít nhất 02 năm.

NGƯỜI PHÊ DUYỆT



CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ĐĂNG ANH

QUY PHẠM SẢN XUẤT – GMP

Sơ chế thịt gia súc, gia cầm

Mã số tài liệu: CL – GMP

Ngày ban hành: 20/8/2022

GMP 3: SAN CHIA

1. QUY TRÌNH

Nguyên liệu được san chia theo yêu cầu của quy trình sản xuất.

2. GIẢI THÍCH

Nguyên liệu được san chia để tạo hình sản phẩm theo yêu cầu của quy trình sản xuất.

3. CÁC THỦ TỤC CẦN TUÂN THỦ

- Khu vực sản xuất phải đảm bảo vệ sinh sạch sẽ.
- Công nhân tham gia sản xuất phải tuân thủ vệ sinh sạch sẽ và đầy đủ bảo hộ lao động trước khi tiếp xúc với nguyên liệu.
- Trang thiết bị sử dụng sản xuất phải được vệ sinh sạch sẽ trước khi sử dụng.
- Nước sử dụng trong quá trình rửa, vệ sinh dụng cụ chứa đựng là nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế.

4. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

- Người phụ trách sản xuất chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và duy trì quy phạm này.
- Người phụ trách công đoạn sơ chế chịu trách nhiệm giám sát và ghi chép kết quả vào biểu mẫu sơ chế, đóng gói: BM/GMP 3.
- Công nhân công đoạn cắt lát phải tuân thủ quy phạm này.

5. HỒ SƠ LƯU TRỮ

Tất cả hồ sơ ghi chép có liên quan đến qui phạm này đã được thẩm tra phải được lưu trữ trong bộ hồ sơ GMP của Công ty ít nhất 02 năm.

NGƯỜI PHÊ DUYỆT



Nguyễn Văn Lý

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ĐĂNG ANH

QUY PHẠM SẢN XUẤT – GMP
Sơ chế thịt gia súc, gia cầm

Mã số tài liệu: CL – GMP
Ngày ban hành: 20/8/2022

GMP 4: ĐÓNG GÓI

1. QUY TRÌNH

Nguyên liệu sau khi sơ chế được đóng gói theo yêu cầu của từng khách hàng.

2. GIẢI THÍCH

Sản phẩm được đóng gói nhằm cách ly sản phẩm với môi trường bên ngoài tránh các mối nguy an toàn thực phẩm, giúp bảo quản sản phẩm lâu hơn.

3. CÁC THỦ TỤC CẦN TUÂN THỦ

- Các dụng cụ, thiết bị phải được vệ sinh sạch sẽ trước khi sử dụng.
- Khu vực đóng gói phải được vệ sinh sạch sẽ.
- Công nhân phải vệ sinh sạch sẽ và đầy đủ bảo hộ lao động khi tiếp xúc với sản phẩm.
- Chuẩn bị bao bì chứa đựng khô ráo, đảm bảo an toàn.
- Đóng gói sản phẩm đúng quy cách, chủng loại, số lượng.

4. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

- Người phụ trách sản xuất chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và duy trì quy phạm này.
- Người phụ trách công đoạn đóng gói có trách nhiệm giám sát và ghi chép kết quả vào biểu mẫu sơ chế, đóng gói: BM/GMP 3.
- Công nhân công đoạn đóng gói phải tuân thủ quy phạm này.

5. HỒ SƠ LƯU TRỮ

Tất cả hồ sơ ghi chép có liên quan đến qui phạm này đã được thẩm tra phải được lưu trữ trong bộ hồ sơ GMP của Công ty ít nhất 02 năm.

NGƯỜI PHÊ DUYỆT



GMP 5, 6: BẢO QUẢN, XUẤT BÁN

1. QUY TRÌNH

Thịt gia súc, gia cầm sau khi đóng gói được bảo quản trong tủ bảo quản theo yêu cầu bảo quản của sản phẩm. Sản phẩm được xếp gọn gàng, dễ dàng nhận diện được sản phẩm, trên nhãn của nguyên liệu phải thể hiện rõ tên sản phẩm, số lượng, ngày nhập, hạn sử dụng, xuất xứ, nguồn gốc nguyên liệu, điều kiện bảo quản. Sản phẩm được vận chuyển đến khách hàng bằng phương tiện, dụng cụ chứa đựng phù hợp.

2. GIẢI THÍCH

Sản phẩm được bảo quản nhằm duy trì chất lượng, giảm thiểu việc hư hỏng do vi sinh vật trong quá trình lưu trữ chờ chế biến.

3. CÁC THỦ TỤC CẦN TUÂN THỦ

- Những người làm việc ở khu vực bảo quản phải làm vệ sinh sạch sẽ và đầy đủ bảo hộ lao động trước khi tiếp xúc với nguyên liệu.
- Nhiệt độ tủ bảo quản phải bảo đảm theo yêu cầu bảo quản của sản phẩm.
- Sản phẩm được bảo quản trong tủ đảm bảo vệ sinh.
- Chuyển các sản phẩm vào tủ gọn gàng, ngay ngắn, xếp theo thứ tự hạn sử dụng gần được xếp trên, hạn sử dụng xa được xếp dưới. Các sản phẩm cùng loại được xếp cùng một khu vực riêng tách biệt với các sản phẩm khác.
- Ghi chép vào sổ kho ngày nhập các thông tin của sản phẩm: tên sản phẩm, số lượng, ngày nhập, hạn sử dụng, xuất xứ, nguồn gốc nguyên liệu, điều kiện bảo quản.
- Ghi chép đầy đủ thông tin sản phẩm xuất bán: tên sản phẩm, số lượng, ngày bán, hạn sử dụng, điều kiện bảo quản.
- Theo dõi nhiệt độ bảo quản 02 lần/ngày.

4. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

- Người phụ trách sản xuất chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và duy trì quy phạm này.
- Người phụ trách công đoạn bảo quản chịu trách nhiệm giám sát và ghi chép kết quả vào biểu mẫu bảo quản, xuất bán: BM/GMP4 và công đoạn xuất bán ghi chép kết quả vào biểu mẫu Xuất bán BM/GMP 5.

5. HỒ SƠ LƯU TRỮ

Tất cả hồ sơ ghi chép có liên quan đến qui phạm này đã được thẩm tra phải được lưu trữ trong bộ hồ sơ GMP của Công ty ít nhất 02 năm.

NGƯỜI PHÊ DUYỆT

